

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng tại Hội nghị thẩm định ngày 30/9/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 96/CV-HT ngày 20/10/2020 của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1092/Tr-STNMT ngày 26/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác
mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm,
huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Đàn - Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ trụ sở: Xã Yên Lâm, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá.

- Số điện thoại: 0988.729.898.

1.3. Diện tích thực hiện dự án: 66.128 m²; trong đó:

Tổng diện tích khu vực mỏ: 66.128 m² (gồm: khu vực khai thác có diện tích là 58.528 m²; khu vực khai trường có diện tích là 7.600 m²). Cụ thể:

- Diện tích khu vực mỏ đã cấp phép là: 42.580 m². Gồm:

+ Diện tích khu vực khai thác là: 34.980 m²;

+ Diện tích khu vực khai trường là: 7.600 m².

- Diện tích khu vực khai thác mở rộng 1 là: 22.051 m².

- Diện tích khu vực khai thác mở rộng 2 là: 1.497 m².

- Ngoài ra, Công ty còn thuê thêm diện tích khoảng 12.000 m² để xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ quá trình khai thác và chế biến đá (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB-105488).

1.4. Ranh giới khu đất:

- Phía Bắc giáp khu vực chế biến đá và nhà xưởng của đơn vị;

- Phía Nam giáp sườn núi đá vôi;

- Phía Tây giáp khu vực mỏ của Công ty Hoàng Minh;

- Phía Đông giáp mỏ của Công ty Trường Thịnh;

1.5. Công suất dự án: Công suất khai thác là 55.000 m³/năm;

1.6. Tuổi thọ dự án: 29 năm 10 tháng, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 05 tháng.

2. Các tác động môi trường chính của dự án (Giai đoạn hoạt động của dự án)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

Nước thải vệ sinh, tắm giặt chủ yếu chứa thành phần như: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,... có lưu lượng 2,28 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn chứa chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt có lưu lượng 0,55

m³/ngày.đêm; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 1,52 m³/ngày. Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, rác thải khu vực có lưu lượng 9.024 m³/ngày. Nước thải phát sinh từ hoạt động xẻ đá có chứa bột đá, đất, cát có lưu lượng 6,68 m³/ngày.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Khoan lỗ mìn, nổ mìn, bốc xúc, trút đổ đá và đất thải, nghiền sàng; quá trình vận chuyển; đốt dầu DO.

- Thành phần bụi, khí thải bao gồm: bụi; CO; SO₂ và NO₂.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt gồm thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, ni lon,...phát sinh khoảng 38 kg/ngày. Đất đá thải của quá trình khai thác chủ yếu là lớp đất xen kẹp trong đá, đá thải từ quá trình chế biến đá với khối lượng 550 m³/năm. Bột đá phát sinh từ quá trình xẻ đá, đánh bóng đá có khối lượng: 1.798,9 tấn/năm.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

Dầu thải phát sinh khoảng 196 lít/năm, thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu,... phát sinh khoảng 10 kg/tháng.

2.5. Các tác động không liên quan đến chất thải

- Tác động do nổ mìn: Đảm bảo khoảng cách an toàn đối với người và công trình do đá văng trong quá trình nổ mìn.

- Tiếng ồn trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị khai thác như máy xúc, ô tô vận chuyển và trạm nghiền sàng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường (Giai đoạn hoạt động của dự án)

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mở thoát theo địa hình tự nhiên mở, khu vực sân công nghiệp được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước hờ dài 325m (Kích thước: 0,6mx0,8m), được dẫn về 02 ao lắng có thể tích 1.140m³ (ao lắng 1: Dài 45 m x rộng 6,0 m x sâu 2,0 m; ao lắng 2: Dài 30 m x rộng 10,0 m x sâu 2,0) để xử lý, nước thải tại ao lắng được tận dụng cấp nước cho hoạt động chế biến đá xẻ. Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và ao lắng với tần suất 01 tháng/lần.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (9,0 m³), nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ (2,0 m³) qua hệ thống rãnh thu gom về ao lắng.

- Nước thải từ quá trình xẻ đá và đánh bóng đá: Nước thải được dẫn về 02 ao lắng thể tích 1.140m³ (ao lắng 1: Dài 45 m x rộng 6,0 m x sâu 2,0 m; ao lắng 2: Dài 30 m x rộng 10,0 m x sâu 2,0); sau đó tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải xử lý đạt - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải

công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xây dựng nội quy, quy trình cho từng khâu, từng hoạt động trong khai thác như: vận hành thiết bị, máy móc...

- Thực hiện phun nước dập bụi trên mặt bằng mỏ để hạn chế bụi trong quá trình bốc, dỡ, đổ đá ở khu vực bãi tập kết và khu vực tuyến tiếp nhận đá, phun nước làm ẩm bề mặt của đá trong quá trình bốc xúc. Tần suất phun nước trung bình là 02 lần/ngày, vào những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất phun nước tăng lên 04 – 06 lần/ngày.

- Tăng cường phun nước dập bụi tại hệ thống nghiền sàng.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực khai trường; phối hợp với chính quyền địa phương quét dọn, thu gom chất thải rơi vãi trên tuyến đường ngoại mỏ.

- Các phương tiện vận tải và máy móc phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 03 thùng rác composite loại 60 lít tại khu vực khai trường; thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị môi trường tại địa phương để vận chuyển, xử lý.

- Đất đá thải từ quá trình khai thác: Một phần được sử dụng để san lấp mặt bằng, cải tạo tuyến đường nội mỏ; một phần được lưu tại bãi thải diện tích 600 m² (D x R = 30 x 20).

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị thùng phuy có dung tích 200 lít đặt trong kho chứa chất thải nguy hại để thu gom dầu thải; 01 thùng phuy có thể tích 200 lít, thu gom chất thải rắn nguy hại. Các thùng chứa CTNH có dán nhãn và đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

Yêu cầu các chủ phương tiện thường xuyên kiểm tra thiết bị, đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo quy định; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân trực tiếp sản xuất ...

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

- Đối với khu vực moong khai thác: San gạt moong khai thác; Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm; bổ sung đất màu và trồng cỏ gừng tại moong khai thác.

- Đối với khu vực khai trường: Di dời máy móc, thiết bị; san gạt, bổ sung đất màu và trồng cây.

- Đối với khu vực đường ngoại mỏ: Cải tạo lại tuyến đường ngoại mỏ.

b. Kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi mở rộng và nâng công suất mỏ là: **645.571.962 đồng**.

- Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hưng Tùng đã thực hiện đóng tiền ký quỹ bảo vệ môi trường với tổng số tiền là: **100.356.420 đồng** (Theo Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường của Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa).

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường còn lại Công ty phải thực hiện ký quỹ: **645.571.962 – 100.356.420 = 545.215.542 đồng**.

- Số lần ký quỹ 30 lần:

- + Số tiền ký quỹ lần đầu: **81.782.331 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu thực hiện trước khi xây dựng cơ bản mỏ;

- + 29 (hai chín) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **15.980.456 đồng**; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

- Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu thực hiện trước khi xây dựng cơ bản mỏ;

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường

- Sự cố sạt lở moong khai thác: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ; khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt; giám sát sự cố sạt lở moong khai thác; khi xảy ra sự cố, di dời người và thiết bị đến nơi an toàn, gia cố khu vực bị sạt lở.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định tại từng khâu sản xuất. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động. Khi xảy ra sự cố, kịp thời sơ cứu người bị nạn và đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, thông báo với các cơ quan chức năng quản lý lao động có liên quan.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn khai thác

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm tại khu vực khai thác;
 - + 01 điểm tại khu vực sản công nghiệp;
 - + 01 điểm tại vị trí đất thuê thêm.
- Tiêu chuẩn so sánh:
 - + Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
 - + QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- b. Giám sát chất lượng nước thải*
 - Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - Thông số giám sát: pH; BOD₅; COD, Chất rắn lơ lửng; Tổng N; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
 - Vị trí giám sát: 01 mẫu nước tại mương thoát nước ra môi trường.
 - Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
 - + QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./.